

Số: /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Triển khai, thực hiện hiệu quả các nội dung Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ; phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh phù hợp với Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Trung ương và điều kiện thực tế của tỉnh nhằm khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn hiệu quả, bền vững.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức, thực hiện Kế hoạch phải bám sát và phù hợp với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Kế hoạch phải được triển khai quyết liệt, đồng bộ với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương, đồng thời phân công rõ trách nhiệm và có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ.

- Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để các Sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thành phố; các cơ quan liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể và tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển ngành nghề nông thôn.

- Nắm bắt cơ hội, tiềm năng, thế mạnh và lợi thế về điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của tỉnh để sản xuất các sản phẩm ngành nghề nông thôn theo chuỗi giá trị, đồng thời ứng dụng khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất góp phần phát triển kinh tế nông thôn theo hướng bền vững.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Phát triển ngành nghề nông thôn nhằm phát huy tiềm

năng của khu vực nông thôn, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân; góp phần bảo vệ môi trường, tôn tạo, giữ gìn cảnh quan, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa các dân tộc; phát triển kinh tế nông thôn gắn với mục tiêu nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

2. Mục tiêu đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng của nhóm ngành nghề nông thôn đạt khoảng 5,5 - 7,0%/năm.
- Thu nhập bình quân lao động trong các hoạt động ngành nghề nông thôn tăng trên 2,5 lần so với năm 2020.
- Thu hút thêm khoảng 45 nghìn lao động thường xuyên trong các hoạt động ngành nghề nông thôn.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo khu vực ngành nghề nông thôn là 80% và tỷ lệ được cấp bằng, chứng chỉ đạt 40%.
- Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, ổn định đáp ứng 70% nhu cầu phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

- Ngành nghề nông thôn tiếp tục là hoạt động mang lại thu nhập ổn định và tạo việc làm cho lao động ở nông thôn.
- Phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng phát triển bền vững, thông minh, thân thiện với môi trường, gắn với xây dựng không gian nông thôn xanh, sạch, đẹp; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử và truyền thống của các địa phương.

III. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Phát triển theo nhóm ngành nghề nông thôn

1.1. Nhóm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản

- Tăng tỷ lệ sử dụng máy móc, thiết bị và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường vào sản xuất. Kết hợp phương thức sản xuất truyền thống và hiện đại nhằm bảo tồn, phát huy các sản phẩm đặc trưng của các địa phương.

- Cải tiến quy trình sản xuất theo chuỗi, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tăng sức cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm ra ngoài tỉnh.

1.2. Nhóm sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ

- Tạo các mẫu mã sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng; phát triển sản xuất theo hướng làm quà tặng, đồ lưu niệm phục vụ khách du lịch.

- Tăng cường liên kết giữa các làng nghề thủ công mỹ nghệ, kết hợp các nguyên liệu, vật liệu tạo ra các sản phẩm mới, độc đáo, có tính nghệ thuật, có khả năng sử dụng cao.

- Nghiên cứu, khuyến khích sử dụng nguyên liệu mới có nguồn gốc rõ ràng, thân thiện với môi trường thay thế cho các nguyên liệu truyền thống đang dần khan hiếm.

- Tạo điều kiện hỗ trợ nghệ nhân, thợ giỏi và người lao động tham gia các khoá học thiết kế mẫu mã, tạo hình, phối màu, phối hợp chất liệu trong sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

1.3. Nhóm xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn

- Nâng cao năng lực các cơ sở xử lý, chế biến tạo ra các loại nguyên liệu mới, phù hợp với xu hướng phát triển của ngành nghề nông thôn nhất là sản xuất nguyên liệu tái chế, thân thiện với môi trường và thay thế cho nguyên liệu nhập khẩu.

- Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn được cấp chứng chỉ bền vững gắn với các nhà máy sơ chế, chế biến, sản xuất các sản phẩm ngành nghề nông thôn, giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

- Hình thành các điểm sơ chế, chế biến các nguyên liệu cung cấp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

1.4. Nhóm sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ

- Tập trung sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, có tính thương mại cao đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Kết hợp các nguyên liệu, vật liệu khác nhau, tạo ra các sản phẩm mới đa dạng về mẫu mã, kiểu dáng, kích thước.

1.5. Nhóm sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh

- Hình thành các vùng chuyên canh sản xuất, kinh doanh sinh vật cảnh, hướng tới hình thành ngành kinh tế xanh.

- Đa dạng các sản phẩm mới, độc đáo phù hợp với văn hoá, nhu cầu của người dân.

- Hình thành các hội, hiệp hội sinh vật cảnh, tạo sân chơi cho nghệ nhân, người chơi chia sẻ kinh nghiệm và phối hợp sản xuất, kinh doanh.

- Nghiên cứu, nhân giống, lai tạo, thiết kế và chế tác các sản phẩm đặc sắc, nhưng vẫn giữ được nét văn hoá truyền thống đặc trưng của tỉnh, của dân tộc Việt Nam.

1.6. Nhóm dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn

- Hình thành hợp tác xã, tổ hợp tác, cá nhân cung cấp các dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh của người dân ở nông thôn.

- Đa dạng hóa các loại hình và mở rộng quy mô các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống ở khu vực nông thôn; chuyển dịch cơ cấu từ sản xuất nông nghiệp sang cung cấp các loại dịch vụ, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân khu vực nông thôn.

2. Bảo tồn và phát triển làng nghề

Tập trung bảo tồn, khôi phục các nghề, làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một, thất truyền, gắn với phát triển du lịch; xây dựng các kênh phân phối, giới thiệu sản phẩm làng nghề; phong tặng, tôn vinh và phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi, người lao động trong các làng nghề, làng nghề truyền thống.

Ưu tiên thành lập các hội, hiệp hội nghề ở các địa phương, doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề; hỗ trợ thiết kế mẫu mã, hoàn thiện sản phẩm, thông tin thị trường phục vụ bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề.

3. Thị trường tiêu thụ sản phẩm

Kết nối tiêu thụ sản phẩm với các đô thị lớn; đa dạng hoá các loại hình dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng cao; xây dựng các chương trình du lịch nông thôn, du lịch làng nghề để tiêu thụ các sản phẩm ngành nghề nông thôn.

Định kỳ tổ chức các sự kiện trong và ngoài tỉnh nhằm quảng bá, xúc tiến thương mại, trao đổi kinh nghiệm về phát triển các sản phẩm ngành nghề nông thôn.

4. Bảo vệ môi trường gắn với phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề

Tổ chức di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trong khu dân cư vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung. Giữ gìn cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, thông minh, bảo đảm xanh, sạch, đẹp và thân thiện môi trường.

Triển khai hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn, du lịch làng nghề trong xây dựng nông thôn mới; tập trung thu hút đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch; phát huy các giá trị văn hóa truyền thống nông thôn; đa dạng hoạt động trải nghiệm du lịch làng nghề, du lịch nông thôn.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách

Nghiên cứu tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách cho phát triển ngành nghề nông thôn, trong đó tập trung các chính sách về: đất đai, đầu tư, bảo hiểm, tín dụng, tổ chức sản xuất, xúc tiến thương mại.

Nghiên cứu tham mưu, đề xuất chính sách khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư vào ngành nghề nông thôn; ưu tiên thu hút đầu tư phát triển dịch vụ, cơ sở hạ tầng, logistics và các công nghiệp phụ trợ phục vụ sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

Nghiên cứu tham mưu, đề xuất chính sách để thúc đẩy và hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí trong rừng, phát triển vùng nguyên liệu lâm sản ngoài gỗ, thảo dược dưới tán rừng nhằm góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết số 36-NQ/TU ngày 26/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2030.

2. Tổ chức lại sản xuất và thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp

Tăng cường mô hình liên kết giữa doanh nghiệp - hợp tác xã - người dân, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt, hợp tác xã là trung gian giữa doanh nghiệp và người dân.

Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hiệp hội xây dựng các trung tâm sáng tạo, chương trình khởi nghiệp của hoạt động ngành nghề nông thôn.

Ứng dụng máy móc, thiết bị công nghệ và hỗ trợ cải tạo, nâng cấp cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề.

Đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp làng nghề phù hợp với quy hoạch và điều kiện của địa phương; chú trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics trong các làng nghề.

3. Bảo vệ môi trường gắn với phát triển du lịch nông thôn

Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường tại các làng nghề đảm bảo việc sản xuất, kinh doanh được thực hiện không ảnh hưởng tới môi trường sinh thái và sức khỏe của nhân dân.

Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tôn tạo cảnh quan không gian làng nghề phục vụ sản xuất gắn với phát triển du lịch.

Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất tuần hoàn, khuyến khích hỗ trợ các cơ sở sản xuất trong làng nghề tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp để làm nguyên liệu sản xuất, tái sử dụng và xử lý chất thải phù hợp với điều kiện làng nghề, giảm thiểu ô nhiễm, thân thiện môi trường

Xây dựng mô hình phát triển du lịch làng nghề, du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái mang tính đặc trưng của các địa phương.

Tổ chức các lễ hội truyền thống, hội thi quảng bá, giới thiệu những nét đặc sắc văn hoá của sản phẩm làng nghề; tôn vinh các nghệ nhân, thợ giỏi làm cơ sở xem xét phong tặng, công nhận nghệ nhân.

4. Xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung

Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn có chứng chỉ bền vững, mã số vùng trồng, phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch phát triển nông lâm thủy sản của tỉnh từng giai đoạn.

Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng trong vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất, khai thác, sơ chế, chế biến; nghiên cứu, chọn tạo, công nhận chuyên gia các loại giống mới, năng suất cao, đảm bảo chất lượng.

5. Phát triển nguồn nhân lực

Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý, chuyển đổi số cho doanh

nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

Đào tạo nâng cao tay nghề, bổ sung các kiến thức về khoa học công nghệ, quy trình sản xuất, công nghệ thông tin, thiết kế, đổi mới mẫu mã sản phẩm cho người lao động. Ưu tiên đào tạo lao động tại doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, vùng nguyên liệu tập trung, cụm công nghiệp.

Đào tạo nâng cao nghề, chuyển đổi một bộ phận lao động nông nghiệp sang các hoạt động ngành nghề nông thôn.

Xây dựng mô hình liên kết đào tạo giữa các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

6. Phát triển thị trường

Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất đưa các sản phẩm lên hệ thống phân phối, trung tâm thương mại, siêu thị, điểm du lịch, kênh thương mại điện tử.

Xây dựng hệ thống thông tin, nâng cao năng lực dự báo thị trường sản phẩm ngành nghề nông thôn; hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất gắn với các chương trình xúc tiến thương mại.

Mở rộng hợp tác, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ về thiết kế mẫu mã, chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm.

7. Truyền thông và nâng cao nhận thức

Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của phát triển ngành nghề nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội.

Đa dạng hình thức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội cho cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn nhà nước (ngân sách trung ương/ngân sách địa phương) theo quy định hiện hành.

2. Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án của Trung ương và địa phương.

3. Huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

- Nghiên cứu tham mưu xây dựng triển khai các Chương trình, dự án phát triển ngành nghề, làng nghề trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ bảo tồn và phát triển làng nghề được giao tại Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 28/10/2023 của UBND tỉnh Tuyên Quang về triển khai thực hiện Chương trình bảo

tồn và phát triển làng nghề giai đoạn 2021-2030.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của các địa phương, đơn vị được phân công; kịp thời tham mưu, điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Kế hoạch cho phù hợp với thực tiễn. Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, hoàn thiện các chính sách về đầu tư, tài chính, tín dụng cho phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất sản phẩm ngành nghề nông thôn.

- Hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các sản phẩm ngành nghề nông thôn theo quy định.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương bố trí quỹ đất cho phát triển vùng nguyên liệu, mặt bằng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của lĩnh vực ngành nghề nông thôn trong quá trình lập, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, áp dụng các giải pháp, công nghệ nhằm bảo vệ môi trường tại các làng nghề theo quy định pháp luật về môi trường.

5. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai các chính sách, giải pháp thúc đẩy thị trường, xúc tiến thương mại cho sản phẩm ngành nghề nông thôn.

- Phối hợp với các sở, ngành thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, trung tâm dịch vụ logistics và các công nghiệp phụ trợ phục vụ sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển du lịch nông thôn, chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch dựa trên các giá trị đặc sắc của ngành nghề nông thôn, văn hóa, không gian, lễ hội của làng nghề, làng nghề truyền thống,...

7. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của phát triển ngành nghề nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội; tuyên truyền về các sản phẩm ngành nghề nông thôn, các tuor, tuyến, khu vực và sản phẩm du lịch gắn với

làng nghề truyền thống; hỗ trợ chuyển đổi số trong quản lý và phát triển các sản phẩm ngành nghề nông thôn.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng chương trình đào tạo những nghề mới phù hợp nhu cầu của thị trường lao động theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tổ chức đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lao động gắn với chuyển đổi nghề nghiệp; hỗ trợ đào tạo nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng dạy học cho nghề nhân, thợ giỏi và khuyến khích nghề nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chủ trì, triển khai tổ chức thực hiện trên địa bàn quản lý các nội dung sau:

- Tổ chức thực hiện Chiến lược, Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn phù hợp với điều kiện, tiềm năng, lợi thế của địa phương. Triển khai xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, phục vụ cho phát triển ngành nghề nông thôn, cơ sở hạ tầng làng nghề theo quy hoạch cấp huyện.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung của Chiến lược. Triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách; báo cáo, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện; chủ động bố trí kinh phí tham gia thực hiện các nội dung của Chiến lược theo đúng quy định.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang và tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp

Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương và các cơ quan liên quan tích cực tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch để bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, THVX (Toàn).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Giang